

BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT NĂM 2015

ÁP DỤNG GIAI ĐOẠN 2015-2019 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN THOẠI SƠN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 45/2014/QĐ-UBND

ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

I. ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ:

1. Giới hạn đô thị:

1.1. Thị trấn Phú Hòa:

- Đông Bắc giáp Mương Ranh - Rạch Bờ Ao: từ cầu Phú Hòa đến chùa Khánh Hòa (rạch Bờ Ao).

- Đông Nam giáp đường Vành đai: Từ cầu Xã Đội về hướng xã Vĩnh Chánh 500 mét và về hướng xã Phú Thuận 300 mét.

- Tây Bắc giáp đường Trần Phú - Ranh Mỹ Hòa (lấy vào sâu 300 mét) - sông Rạch Giá - Long Xuyên.

- Tây Nam theo quy hoạch đến năm 2020: từ sông Rạch Giá - Long Xuyên (vựa cát Tuyết Hùng) đến đường Trần Phú đến kênh Mắc Cần Dện (nhà ông Ngô Văn Mạnh).

1.2. Thị trấn Óc Eo:

- Đông giáp kênh Ba Thê mới (từ cầu Ba Thê 5 đến cầu Treo kênh Vành đai núi).

- Tây giáp kênh Vành đai (từ kênh Ba Thê mới - Cầu sắt Núi nhỏ đường Nguyễn Văn Muôn đến kênh Vành đai núi).

- Nam giáp kênh Vành đai núi.

- Bắc giáp kênh Ba Thê mới (từ cầu Ba Thê 5 đến cầu sắt Núi nhỏ đường Nguyễn Văn Muôn).

1.3. Thị trấn Núi Sập:

- Đông giáp kênh Vành đai núi.

- Tây giáp sông Rạch Giá - Long Xuyên.

- Nam giáp kênh Vành đai núi theo trục đường Võ Văn Kiệt đến hết thị trấn, đường Nguyễn Huệ nối dài đến cầu trường học.

- Bắc giáp kênh Cống Vong - Đường Nguyễn Huệ (cầu Cống Vong - kênh F) mở rộng đến kênh 600 mét.

2. Giá đất phân theo vị trí, phân loại đường phố:

a) Thị trấn Phú Hòa

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

Stt	Tên đường phố	Giới hạn từ . . . đến . . .	Loại đường	Giá đất vị trí 1
I	ĐƯỜNG LOẠI 1			
1	Trần Phú	Cầu Phú Hòa - Hết ranh cây xăng Tân Anh	1	3.500
2	Đường số 3	Đường số 7 - Hết đường nhựa	1	2.000
3	Đường số 4	Trần Phú - Hết đường nhựa	1	3.000
4	Đường số 7	Đường số 2 - Đường số 5	1	2.000
5	Đường nội bộ	KDC Công ty Sao Mai (giai đoạn 1)	1	2.000
6	Đường nội bộ	KDC Công ty Sao Mai (giai đoạn 2)	1	2.000
7	Nguyễn Thị Bạo	Nguyễn Thái Bình - Bến cảng KCN	1	2.100
8	Trần Phú	Ranh Mỹ Hòa - Cầu Phú Hòa	1	2.000
II	ĐƯỜNG LOẠI 2			
9	Nguyễn Thị Bạo	Trần Phú - Nguyễn Thái Bình	2	1.800
10	Lê Thị Hồng Gấm	Trường Nguyễn Khuyến - Nguyễn Thái Bình	2	1.500
11	Nguyễn Thái Bình	Nguyễn Thị Bạo - Lê Thị Hồng Gấm - Hết đường nhựa	2	1.500
12	Dân cư khu vực chợ mới	Trần Phú - Mặc Cần Dện	2	1.500
13	Trần Phú	Ranh cây xăng Tân Anh - Cầu Mương Trâu	2	2.000
14	Lê Anh Xuân	Suốt tuyến đường	2	1.500
15	Đường Số 1	Trần Phú - Hết đường bê tông	2	1.500
16	Đường Số 2	Trần Phú - Hết đường nhựa		1.200
17	Đường Số 5	Trần Phú - Hết đường nhựa		1.200
18	Đường Số 6	Trần Phú - Hết đường nhựa		1.200
19	Đặng Huy Trứ	Trần Phú - Cầu Phú Hòa		1.200
20	Đường Chợ cũ	Trần Phú - Mặc Cần Dện	2	1.200
21	Đường Cầu Đình	Trần Phú - Cầu Mặc Cần Dện	2	1.200
22	Nguyễn Thái Bình	Nguyễn Thị Bạo - Hết đường nhựa về hướng Núi Sập	2	1.500
23	Phạm Ngọc Thảo	Hết tuyến đường	2	1.500
24	Đường Trường Nguyễn Khuyến	Trần Phú - Nhà máy An Giang 7 - bến bảng KCN	2	1.200
25	Đường bê tông cặp kênh Mặc Cần Dện	Nhà trẻ (chợ cũ) - KDC Phú Hữu - Hết ranh đất ở của ông Ngô Văn Mạnh	2	1.200
26	Đường Bê tông 2m KDC bến xe	Trần Phú - Suốt tuyến	2	1.500
27	Đường đất KDC bến xe	Trần phú - Suốt tuyến	2	1.200

Stt	Tên đường phố	Giới hạn từ . . . đến . . .	Loại đường	Giá đất vị trí 1
28	Đường nhựa 3.5m liên xã cặp kênh Rạch Giá - Long Xuyên	Bến cảng KCN - Cầu sắt Mương Trâu	2	1.000
29	Đường nhựa 3.5m liên xã (kênh Mặc Cắn Dền - rạch Bờ Ao)	Theo quy hoạch trung tâm (cách trung tâm UBND thị trấn 150 mét vào phía trong và theo trục lộ 500 mét sang mỗi bên)	2	1.000

b) Thị trấn Óc Eo.

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

Stt	Tên đường phố	Giới hạn từ . . . đến . . .	Loại đường	Giá đất vị trí 1
I	ĐƯỜNG LOẠI 1			
1	Nguyễn Thị Rẫy	Nguyễn Thị Hạnh - Kênh Ba Thê	1	7.000
		Dốc chợ (phía trên) - Nguyễn Thị Hạnh	1	4.000
		Phan Thanh Giản (nhà bà Hiên) - Dốc chợ (phía trên)	1	2.500
		Phan Thanh Giản (nhà ông Phước) - Dốc chợ (phía trên)	1	2.000
2	Nguyễn Thị Hạnh	Cầu Ba thê 5 - Hẻm Trại cây Minh Nhựt	1	5.000
		Hẻm Trại cây Minh Nhựt - Đường Nguyễn Văn Muôn	1	2.000
		Ranh Vọng Đông - Cầu Ba Thê 5	1	2.000
3	Đường Số 3	Nguyễn Thị Hạnh (Tư Vốn) - Kênh Ba Thê (B. Nga)	1	3.500
4	Đường Số 4	Nguyễn Thị Hạnh - Kênh Ba Thê	1	2.500
5	Đường Số 1	Nguyễn Thị Hạnh - Kênh Ba Thê	1	2.400
6	Nguyễn Văn Muôn	Nguyễn Thị Hạnh - Cầu sắt Núi nhỏ	1	2.000
7	Đường Số 2	Nguyễn Thị Hạnh - Kênh Ba Thê	1	2.300
II	ĐƯỜNG LOẠI 2			
8	Đường Phan Thanh Giản	Ranh cư xá giáo viên - Hết ranh đất nhà ông Vĩnh (ông Năm thợ bạc)	2	1.500
III	ĐƯỜNG LOẠI 3			
9	Phan Thanh Giản	Đình Phan Thanh Giản - Cư xá giáo viên	3	1.000
10	Đường Số 5	Phan Thanh Giản - Hết đường	3	1.000
11	Đường Số 6	Nhà ông Hồng - Nhà Bà Huế	3	1.000

Stt	Tên đường phố	Giới hạn từ . . . đến . . .	Loại đường	Giá đất vị trí 1
12	Đường Số 7	Dốc chợ phía trên - Đường ngang Vành đai	3	1.000
13	Phan Thanh Giản	Ranh đất nhà ông Vĩnh (ông Năm thợ bạc) - Nguyễn Văn Muôn (Bệnh viện khu vực Ốc Eo)	3	1.000
14	Lâm Thanh Hồng	Nguyễn Thị Hạnh - Gò Cây thị	3	1.300
15	Đường Vành đai	Gò Cây thị - Nguyễn Văn Muôn	3	1.300
16	Đường Núi Tượng	Nguyễn Thị Hạnh - Cầu Núi Tượng	3	900
17	Đường Mẫu giáo	Phan Thanh Giản - Đường Trần Thị Huệ	3	600
18	Trần Thị Huệ	Chùa Khmer -Kho đạn - Cuối lộ bê tông	3	400
19	Phạm Thị Vinh	Nguyễn Văn Muôn - Phan Thanh Giản	3	750
20	Các hẻm ngang rộng $\geq 4m$	Nguyễn Thị Hạnh vào 200m (Cầu Ba Thê 5 - Hẻm Trại cây Minh Nhựt)	3	750
21	Các hẻm ngang rộng $\geq 4m$	Đoạn từ 200m tiếp theo (Cầu Ba Thê 5 đến Hẻm Trại cây Minh Nhựt)	3	500
22	Các hẻm ngang rộng $< 4m$	Nguyễn Thị Hạnh vào 200m (cầu Ba Thê 5 - Đường ngang Vành đai - hẻm Trại cây Minh Nhựt)	3	450
23	Các hẻm ngang rộng $< 4m$	Đoạn từ 200m tiếp theo (cầu Ba Thê 5 - Đường ngang Vành đai - Hẻm Trại cây Minh Nhựt)	3	400
24	Các hẻm ngang rộng $\geq 4m$	Nguyễn Thị Hạnh và Nguyễn Văn Muôn vào 200m (hẻm giáp Trại cây Minh Nhựt đến đường Nguyễn Văn Muôn đến Cầu Sắt Núi Nhỏ)	3	750
25	Các hẻm ngang rộng $\geq 4m$	Đoạn từ 200m tiếp theo (hẻm giáp Trại cây Minh Nhựt đến đường Nguyễn Văn Muôn đến Cầu Sắt Núi Nhỏ)	3	500
26	Các hẻm ngang rộng $< 4m$	Nguyễn Thị Hạnh và Nguyễn Văn Muôn vào 200m (Nguyễn Văn Muôn - Đường Vành đai đến Cầu Sắt Núi Nhỏ)	3	450
27	Các hẻm ngang rộng $< 4m$	Đoạn từ 200m tiếp theo (Nguyễn Văn Muôn - đường Vành đai đến Cầu Sắt Núi Nhỏ)	3	400
28	Đường Làng Dân Tộc	Trần Thị Huệ - Sân Tiên	3	500
29	Đường Gò Cây Thị	Đường Vành đai (vòng núi) - Cầu Treo	3	500
30	Đường Sân Tiên	Nguyễn Văn Muôn - Trần Thị Huệ	3	500

c) Thị trấn Núi Sập.

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

Stt	Tên đường phố	Giới hạn từ . . . đến . . .	Loại đường	Giá đất vị trí 1
I	ĐƯỜNG LOẠI 1			
1	Hùng Vương	Nguyễn Huệ - Lý Tự Trọng	1	5.000
2	Nguyễn Huệ	Cầu Cổng Vong - Lê Thánh Tôn	1	4.000
		Lê Thánh Tôn - Cầu Thoại Giang	1	3.000
3	Lý Tự Trọng	Tôn Đức Thắng - Võ Thị Sáu	1	4.000
4	Tôn Đức Thắng	Nguyễn Huệ - Nguyễn Văn Trỗi	1	4.200
5	Đường Phố Chợ	Lê Hồng Phong - Võ Thị Sáu	1	4.000
6	Lê Hồng Phong	Nguyễn Huệ - Lý Tự Trọng	1	4.300
		Lý Tự Trọng - Lê Văn Tám	1	4.000
		đường Lê Văn Tám - Nguyễn Văn Trỗi	1	3.500
7	Nguyễn Văn Trỗi	Võ Thị Sáu - Trần Nguyên Hãn	1	3.100
8	Thoại Ngọc Hầu	Lê Thánh Tôn - Nguyễn Trãi	1	3.000
		Nguyễn Trãi - Lê Lợi	1	2.700
9	Võ Thị Sáu	Nguyễn Huệ - Lý Tự Trọng	1	3.000
		Lê Văn Tám - Nguyễn Văn Trỗi	1	2.500
10	Lê Văn Tám	Kim Đồng - Võ Thị Sáu	1	2.000
11	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Huệ - Nguyễn Văn Trỗi	1	2.500
12	Trưng Vương	Nguyễn Huệ - UBND huyện Thoại Sơn	1	2.000
13	Trần Quốc Toản	Nguyễn Huệ - Lý Tự Trọng	1	4.300
14	Lý Thường Kiệt	Nguyễn Huệ - Nguyễn Văn Trỗi	1	2.500
15	Võ Văn Kiệt	Cầu Thoại Giang - Thoại Ngọc Hầu	1	2.000
16	Lê Thánh Tôn	Nguyễn Huệ - Nguyễn Văn Trỗi	1	2.500
17	Nguyễn Thị Minh Khai	Võ Thị Sáu - Nguyễn Đình Chiểu	1	2.400
18	Nguyễn Công Trứ	Cao Bá Quát - Nguyễn Đình Chiểu	1	2.000
19	Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Thị Minh Khai - Đỉnh Núi Lớn	1	2.000
20	Cao Bá Quát	Nguyễn Thị Minh Khai - Hết đường	1	2.000
21	Tản Đà	Nguyễn Thị Minh Khai - Hết đường	1	2.000
22	Trần Tế Xương	Nguyễn Thị Minh Khai - Hết đường	1	2.000
23	Nguyễn Huệ	Cầu Cổng Vong - Cầu kênh F	1	2.000
II	ĐƯỜNG LOẠI 2			
24	Võ Văn Tần	Lê Văn Tám - Tạ Uyên	2	1.800
25	Tạ Uyên	Lê Hồng Phong - Võ Thị Sáu	2	1.800
26	Ngô Quyền	Lê Hồng Phong - Võ Thị Sáu	2	1.500
27	Kim Đồng	Nguyễn Văn Trỗi - Lê Văn Tám	2	1.500
28	Thoại Ngọc Hầu	Lê Lợi - Võ Văn Kiệt	2	1.800
III	ĐƯỜNG LOẠI 3			
29	Nguyễn Trung Trực	Nguyễn Huệ - Phan Đình Phùng	3	1.000
30	Nguyễn An Ninh	Phạm Hồng Thái - Phan Đình Phùng	3	1.000
31	Phạm Hồng Thái	hết tuyến đường	3	600
32	Nguyễn Thiện Thuật	Phan Đình Phùng - Hết tuyến đường	3	750

Stt	Tên đường phố	Giới hạn từ . . . đến . . .	Loại đường	Giá đất vị trí 1
33	Các đường còn lại KDC Tây Sơn	Trong phạm vi khu dân cư	3	600
34	Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Đình Chiểu - Nguyễn Trãi	3	1.000
35	Lê Lợi	Thoại Ngọc Hầu - Nguyễn Thị Minh Khai	3	1.000
36	Nguyễn Du	Nguyễn Huệ - Thoại Ngọc Hầu	3	1.000
37	Lê lai	Lý Thường Kiệt - Trần Hưng Đạo	3	1.000
38	Nguyễn Trãi	Nguyễn Thị Minh Khai - Thoại Ngọc Hầu	3	1.000
39	Phan Đình Phùng	Võ Văn Kiệt - Hết KDC Tây Sơn	3	1.000
40	Nguyễn Huệ	Cầu Thoại Giang - Trường "B" Tây Sơn	3	800
41	Trần Nguyên Hãn	Nguyễn Văn Trỗi - Nguyễn Thị Minh Khai	3	800
42	Võ Văn Kiệt	Thoại Ngọc Hầu - Bãi rác thị trấn Núi Sập	3	800
43	Cống cổ (nhỏ)	Nguyễn Huệ - Thoại Ngọc Hầu	3	600
44	Bạch Đằng	Kênh Vành đai - Hết đường bê tông	3	800
45	Phạm Ngũ Lão	Trần Quang Khải - Trần Nhật Duật	3	600
46	Trần Khánh Dư	Trần Quang Khải - Trần Nhật Duật	3	800
47	Trần Quang Khải	Huyền Trân Công Chúa - Hết tuyến đường	3	800
48	Trần Nhật Duật	Huyền Trân Công Chúa - Hết tuyến đường	3	600
49	Trần Bình Trọng	Phạm Ngũ Lão - Hết tuyến đường	3	600
50	Trần Khắc Chung	Trần Quang Khải - Trần Nhật Duật	3	600
51	Huyền Trân Công Chúa	Trần Quang Khải - Hết tuyến đường	3	400
52	Nguyễn Văn Linh	Cầu KDC cán bộ - hết đường	3	800
53	Xuân Thủy	Trường Chinh - Giáp tuyến dân cư	3	525
54	Tổ Hữu	Trường Chinh - Giáp tuyến dân cư	3	525
55	Nguyễn Thị Định	Trường Chinh - Giáp tuyến dân cư	3	525
56	Phạm Văn Đồng	Trường Chinh - Giáp tuyến dân cư	3	700
57	Trường Chinh	Xuân Thủy - Phạm Văn Đồng	3	700
58	Tuyến lộ bê tông liên xã	Từ trường B Tây Sơn - Kênh D (kênh Rạch Giá Long Xuyên)	3	500
59	Bắc kênh E	Nguyễn Huệ - Thoại Ngọc Hầu	3	300
60	Võ Văn Kiệt	Từ Bãi rác - Kênh ranh Cần Thơ	3	300
61	Tuyến kênh F lộ nhựa 2m	Từ 100 mét vào 200 mét	3	300
62	Tuyến kênh F lộ nhựa 2m	Từ 300 mét - Kênh ranh Cần Thơ	3	250
63	Tuyến kênh D	Từ đường liên xã - Kênh ranh Cần Thơ	3	250
64	Lộ Đập Đá	Từ cầu Đập Đá - Kênh F	3	250
65	Các đường còn lại	Trong toàn thị trấn (Chỉ có một vị trí)	3	100

B. ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN:

1. Khu vực 1. đất ở nông thôn tại trung tâm xã (trung tâm chợ xã; trung tâm hành chính xã):

a) Đất ở nông thôn nằm tại trung tâm hành chính xã:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

Stt	Tên xã, thị trấn	Loại đường	Giới hạn từ . . . đến . . .	Giá đất vị trí 1
1	Phú Thuận	Nhựa 3,5m liên xã (kênh Đồn Dong)	Hết thửa đất nhà ông Nhiên - Hết ranh cây Xăng Phú Thuận	750
2	Vĩnh Chánh	Nhựa 3,5m liên xã (kênh Mặc Cần Dện Lớn)	Kênh Thanh Niên-Trụ sở Ban ấp Tây Bình B	400
3	Vĩnh Khánh	Nhựa 3,5 liên xã (kênh Bốn Tổng)	Bưu Điện - UBND xã	500
4	Vĩnh Trạch	Đường tỉnh 943	Lộ tẻ ông Cường - Văn phòng ấp Trung Bình Tiến	400
5	Vĩnh Phú	Nhựa 3,5m liên xã (kênh Ba Dầu)	Đình Vĩnh Phú - Hết ranh đất nhà ông Chu	500
6	Định Thành	Đường tỉnh 943	Cách trụ sở UBND xã 600 mét về mỗi bên	600
7	Định Mỹ	Nhựa 3,5m liên xã (kênh Rạch Giá - Long Xuyên)	Kênh Cả Răng - Hết Cây xăng Khư Minh Điền	650
8	Thoại Giang	Đường tỉnh 943	Cách UBND xã 500m về mỗi bên	400
9	Bình Thành	Đường bê tông 3 mét (kênh Rạch Giá - Long Xuyên)	Nhà ông Huỳnh Văn Thôi - Trung tâm xã	500
		Đường bê tông 3 mét (kênh Rạch Giá - Long Xuyên)	Trung tâm xã - Nhà ông Quách Văn Hoàng	500
10	Vọng Đông	Đường tỉnh 943	Bưu điện Vọng Đông - Cầu Ba Thê 2	650
		Đường tỉnh 943	Cầu Vọng Đông-Hết Quỹ Tín dụng V- Đông	1.500
		Hai bên nhà lồng chợ	Đường tỉnh 943- Đường hậu chợ	1.500
		Đường hậu chợ	Kênh Kiên Hảo - Núi Chóc	1.000
11	Vọng Thê	Đường tỉnh 943	Cầu Mướp Vắn - Cầu số 2	450
12	Tây Phú	Nhựa 3,5m liên xã (cầu Mướp Vắn)	Kênh Hai Trăn - Mương 3/2	1.100
		Đường đất kênh Hậu Chợ	Từ nhà ông Nhơn - Kênh Hai Trăn	800
13	Mỹ Phú Đông	Bê tông 3m liên xã (kênh Núi Chóc - Năng Gù)	Kênh Mỹ Phú Đông - Hết ranh đất nhà ông Hòa	300
14	An Bình	Lộ 15	Cầu An Bình 4 - Cầu Núi Trọi	300

b) Đất ở nông thôn nằm tại Trung tâm chợ xã:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

Stt	Tên xã, thị trấn	Tên chợ	Loại đường	Giới hạn từ.... đến...	Giá đất vị trí 1
1	Phú Thuận	Kênh Đào	Bê tông 2m	Trung tâm Chợ (tiếp giáp nhà lồng chợ (đường số 1, số 4, số 5)	800
			Bê tông 2m	Các đường còn lại trong chợ (đường số 2, 3)	500
		Hòa Tây B	Nội chợ	Cặp 2 bên nhà lồng chợ	1.300
2	Vĩnh Chánh	Chợ cũ		Bê tông 3m liên xã - Hết đường	600
		Chợ mới		Khu vực 2 bên nhà lồng chợ	1.200
				Khu vực Trung tâm chợ không thuận lợi kinh doanh	770
		Chợ Tây Bình C	Cặp lộ nhựa	Kênh T5 - Tổ y tế	1.000
				Tiếp giáp nhà lồng chợ thuận lợi kinh doanh	700
				Các đường còn lại trong chợ	500
3	Vĩnh Khánh	Chợ cũ	Bê tông 3m liên xã	Nhà ông Phi - Nhà ông Xuyên	2.200
			Giáp lô A	Bê tông (kênh Bốn Tổng) - Nhà ông Đàng	700
			Giáp lô B	Bê tông (kênh Bốn Tổng) - Nhà ông Kiệt	1.500
			Giáp lô C	Nhà ông Xuyên - Nhà ông Tùng	800
		Khu vực mở rộng	Đường đất (kênh Đòn Dong)	Nhà ông Thanh - Kênh Hậu	1.600
			Đường đất (kênh Hậu)	Kênh Đòn Dong - Hết đất nhà bà Kiều	1.200
4	Vĩnh Trạch	Vĩnh Trạch (Vĩnh Trung)	Nhựa 3m liên xã	Ranh nhà ông Tuấn - Cầu Đình	850
			Hai bên nhà lồng chợ	Nhựa liên xã 3m - Bê tông nội chợ 3m	800

Stt	Tên xã, thị trấn	Tên chợ	Loại đường	Giới hạn từ.... đến...	Giá đất vị trí 1
			Các đường còn lại trong chợ		700
		Tây Bình (Ba Bần)	Hai bên nhà lồng chợ		500
			Các đường còn lại trong chợ		300
		Vĩnh Trạch 1 (Chợ Tây Cò)	Hai bên nhà lồng chợ		500
			Đường tỉnh 943	Cầu kênh Bốn Tổng - Cây xăng Vân Sơn	600
			Các đường còn lại trong chợ		300
5	Vĩnh Phú	Trung Phú 2	Bê tông 2m	Hẻm sát nhà ông Sơn - Kênh ranh Làng	1.300
			Đường tiếp giáp nhà lồng chợ	Kênh ba Dầu - Kênh ranh Làng	1.300
			Đường Khu	Từ nhà ông Dũng - Nhà ông Dẫn	1.000
			Vành đai chợ		
			Bê tông	Các đường còn lại trong chợ	1.300
6	Định Thành	Kênh H	Đường tỉnh 943	Cầu kênh H - Mương cặp nhà thầy giáo Giang	1.000
			Tiếp giáp nhà lồng chợ	Đường tỉnh 943 - Mương Lộ	800
			Cặp đường đan kênh H	Từ Đường tỉnh 943 - Cổng tròn Mương Chợ	700
			Mương Chợ	Đường đan - Vào 50 mét	600
		Chợ cũ	Liên xã	Đường nhựa 3.5m	600
			Cặp nhà lồng chợ	Khu vực chợ	500
			Dãy sau chợ	Hẻm sau chợ	450
		Kênh F	Cặp nhà lồng chợ	Khu vực chợ	1.900
			Sau nhà lồng chợ	Hẻm sau chợ	800
7	Định Mỹ	Trường Tiền	Nhựa 3,5m liên xã (kênh Rạch Giá - Long Xuyên)	Cầu Thoại Hà 2 - Cầu Trường Tiền	800
			Giáp nhà lồng chợ	Nhựa 3.5m kênh Rạch Giá - Long xuyên - Đường số 6	2.800
			Các đường còn lại trong chợ		500
8	Bình Thành	Bình	Đường đất	Tiếp giáp nhà lồng chợ	1.000
		Thành	Đường bê tông 3m (kênh Rạch Giá - L. Xuyên)	Cây xăng Thanh Nhã - Trung tâm chợ	700
				T.tâm chợ - Nhà ÔTrương Phấn Nhỏ	700

Stt	Tên xã, thị trấn	Tên chợ	Loại đường	Giới hạn từ.... đến...	Giá đất vị trí 1
			Đường Đất (kênh Ba Thê cũ)	Trung tâm chợ - Đất ông Nguyễn Văn Đức chạy dọc theo tuyến kênh Ba Thê cũ	200
9	Vọng Thê	Tân Thành	Đường liên xã	Cầu Mướp Vắn - Cầu Tân Hiệp	900
			Nội chợ	Các đường trong chợ	500
			Đường tỉnh 943	Cầu Mướp Vắn - Cách cầu Mướp Vắn 200m về hướng cầu Núi Nhỏ (hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Khá)	450
10	Tây Phú	Tây Phú	Nội chợ	Cặp 2 bên nhà lồng chợ	2.000
11	Mỹ Phú Đông	Mỹ Phú Đông	Bê tông 3m liên xã	Kênh Mỹ Phú Đông - Hết nhà ông Mách	900
			Hai bên nhà lồng chợ	Bê tông liên xã 3m - Bê tông nội chợ 2m	1.600
			Các đường còn lại		1.200
12	An Bình	Sơn Hiệp	Đường số 6	Đường số 1 - Đường số 3	700
			Đường số 1	Đường số 7 - Đường số 8	700
			Đường số 2	Đường số 6 - Đường số 7	1.000
			Đường số 7	Đường số 1 - Đường số 3	750
			Đường số 8	Đường số 1 - Đường số 4	580
			Đường số 3	Đường số 9 - Đường số 7	700
			Đường số 4	Đường số 9 - Đường số 7	450

2. Khu vực 2: đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông:

a) Đất ở nông thôn tiếp giáp với Quốc lộ 80, Đường tỉnh 943:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

Stt	Tên xã, thị trấn	Tên đường	Giới hạn từ.... đến...	Giá đất vị trí 1
1	Phú Thuận	Quốc lộ 80	Ranh Vĩnh Trinh - Ranh Thạnh Mỹ (Cần Thơ)	1.000
2	Vĩnh Trạch	Đường tỉnh 943	Cầu Mương Trâu - Mương Thầy Ban	500
			Mương Thầy Ban - Lộ tế Ông Cường	300
			Văn phòng ấp TBT - Cầu kênh 4 Tổng	300
			Cây xăng Vân Sơn - Ranh Định Thành	300
3	Định Thành	Đường tỉnh 943	Ranh Vĩnh Trạch, Vĩnh Khánh - Cầu kênh F (trừ trung tâm xã, chợ kênh H và chợ kênh F)	300
4	Vĩnh Khánh	Đường tỉnh 943	Cầu kênh Ông Cò - Bê tông 3m (đường vào Vĩnh Khánh)	600
			Bê tông 3m liên xã đường vào Vĩnh Khánh - Ranh Định Thành	300

Stt	Tên xã,	Tên đường	Giới hạn từ.... đến...	Giá đất
5	Thoại Giang	Đường tỉnh 943	Cầu Thoại Giang về hướng UBND xã Thoại Giang 500m	500
			Cách cầu Thoại Giang 500m - Ranh quy hoạch trung tâm xã	400
			Ranh quy hoạch Trung tâm xã - Cầu Ba Thê 1	350
6	Vọng Đông	Đường tỉnh 943	Cầu Ba Thê 1 - Cầu Vọng Đông	300
		Đường tỉnh 943	Cầu Ba Thê 2 - Cách ranh Ốc Eo 500 m (không tính đoạn KDC vượt lũ Sơn Lập)	350
		Đường tỉnh 943	Cách ranh Ốc Eo 500m - Cầu Ba Thê 4	400
7	Vọng Thê	Đường tỉnh 943	Cầu Núi Nhỏ - Cách cầu Mướp Vắn 200m (ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Khá)	300
			Cầu số 2 - Ranh Tri Tôn	250

b) Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp I:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

Stt	Tên xã, thị trấn	Tên đường, tên kênh	Giới hạn từ... đến...	Giá đất vị trí 1
1	Phú Thuận	Nhựa 3,5m liên xã (kênh Đòn Dong)	Bờ phía Nam từ ranh Vĩnh Chánh - Ranh Mỹ Thạnh (Long Xuyên) (không tính đoạn TTHC xã)	350
			Bờ Bắc từ kênh Xã Đội - Kênh Xáng Mới	300
		Đường đất (kênh Đòn Dong)	Ranh Mỹ Thạnh - Kênh Xáng Mới	100
		Đường đất (kênh Cái Sắn)	Ranh Vĩnh Trinh - Ranh Thạnh Mỹ (Cần Thơ)	100
2	Vĩnh Chánh	Nhựa 3,5m liên xã (kênh Đòn Dong)	Ranh Phú Thuận - Ranh Vĩnh Khánh	300

Stt	Tên xã, thị trấn	Tên đường, tên kênh	Giới hạn từ... đến...	Giá đất vị trí 1
		Đường đất liên xã (kênh Đồn Dong)	Ranh Phú Thuận - Ranh xã Vĩnh Khánh	200
3	Vĩnh Khánh	Nhựa 3,5m liên xã (kênh Đồn Dong)	Ranh Vĩnh Chánh - Kênh Bốn Tổng	300
		Đường đất liên xã (kênh Đồn Dong)	Ranh xã Vĩnh Chánh - Kênh Bốn Tổng	200
		Bê tông 2m liên xã (kênh Đồn Dong)	Kênh Bốn Tổng - Kênh H	300
		Đường đất (kênh Đồn Dong)	Kênh Hậu giáp chợ - Kênh H	200
4	Vĩnh Trạch	Nhựa, bê tông 3m liên xã (kênh Rạch Giá - Long Xuyên)	Rạch Mương Trâu - Nhà ông Tuấn (chợ ấp Vĩnh Trung)	300
			Cầu Đình - Cầu kênh Bốn Tổng nhỏ	350
			Mương Xẻo Chiết - Hết đường dẫn cầu Ba Bần	800
		Nhựa 3m liên xã (kênh Rạch Giá - Long Xuyên)	Cầu Ba Bần - Cầu ông Đốc	300
5	Vĩnh Phú	Nhựa 3,5m liên xã (kênh Rạch Giá - LX)	Ranh Định Mỹ - Cầu Ba Bần	350
		Bê tông 3,5m liên xã (kênh Núi Chóc - Năng Gù)	Ranh Mỹ Phú Đông - Ranh huyện Châu Thành	250
		Đường nhựa 3,5m (kênh Núi Chóc - Năng Gù)	Ranh Mỹ Phú Đông - Ranh huyện Châu Thành	200

Stt	Tên xã, thị trấn	Tên đường, tên kênh	Giới hạn từ... đến...	Giá đất vị trí 1
6	Định Thành	Bê tông, nhựa 3m trở lên cấp kênh Rạch Giá – Long Xuyên	Cầu lặc Dục – cầu Ông Đốc (trừ khu vực chợ Định Thành)	300
			Cầu Lặc Dục - Cầu kênh F	500
7	Định Mỹ	Nhựa 3,5m liên xã (kênh Rạch Giá - Long Xuyên)	Ranh Vĩnh Phú - Kênh Thốt Nốt (Đình Định Mỹ)	400
			Kênh Thốt Nốt (Đình Định Mỹ) - Cầu Thoại Hà 2	350
		Nhựa 3,5m (kênh Rạch Giá - Long Xuyên)	Cầu Trường Tiền - Kênh Cả Răng	400
			Cây xăng Khuu Minh Điền - Kênh Mỹ Giang	450
8	Thoại Giang	Bê tông 3m liên xã (kênh Rạch Giá - Long Xuyên)	Ranh Định Mỹ - Ranh đất nhà ông Đoàn Thành Ngoai	400
			Ranh đất nhà ông Đoàn Thành Ngoai - Hết ranh đất nhà bà Huê Thị Đành	450
			Ranh đất nhà bà Huê Thị Đành - Ranh Bình Thành	400
9	Bình Thành	Đường bê tông 3m (kênh Rạch Giá - Long Xuyên)	Ranh Thoại Giang - Cây Xăng Thanh Nhã	400
			Nhà ông Trương Phấn Nhỏ - Nhà Ông Huỳnh Văn Thôi	400
		Đường bê tông 2m (kênh Rạch Giá - Long Xuyên)	Nhà ông Quách Văn Hoàng - Ranh Kiên Giang (kênh Xã Diểu)	400
			Ranh Núi Sập - Ranh Kiên Giang (cổng Bà Tà)	450
		Đường bê tông 2m (kênh Kiên Hào)	Ranh Vọng Đông - Ranh Kiên Giang (kênh Xã Diểu)	200
		Bê tông 3m liên xã (kênh Núi Chóc - Năng Gù)	Kênh Ba Thê Núi Sập - Ranh Mỹ Phú Đông	200

Stt	Tên xã, thị trấn	Tên đường, tên kênh	Giới hạn từ... đến...	Giá đất vị trí 1
10	Vọng Đông	Đường đất (kênh Núi Chóc - Năng Gù)	Kênh Ba Thê Núi Sập - Kênh Vọng Đông 2	120
		Nhựa 3,5m liên xã (kênh Kiên Hảo) Nhựa 3,5m (kênh Mướp Vắn)	Kênh Ba Thê Núi Sập - Kênh Ba Thê cũ	200
11	Vọng Thê	Tỉnh lộ 947	Ranh Mỹ Hiệp Sơn - Cầu Mướp Vắn	350
			Cầu Tân Thành - Ranh An Bình	350
		Bờ tây Kênh Mướp Vắn	Ranh Mỹ Hiệp Sơn - ranh An Bình	350
12	Tây Phú	Tỉnh lộ 947	Kênh 3/2 - Khu dân cư vượt lũ ấp Phú Hòa	450
		Bờ tây Kênh Mướp Vắn	Kênh Phú Tuyến 2 - ranh huyện Châu Thành	350
13	Mỹ Phú Đông	Bê tông 3m liên xã (kênh Núi Chóc - Năng Gù)	Kênh Trường Tiền - Nhà ông Hòa	250
			Nhà ông Mách - Ranh Trường cấp 2 Mỹ Phú Đông	400
			Ranh Trường cấp II Mỹ Phú Đông - Cầu Ngã Năm	250
			Cầu Ngã Năm - Cầu Mỹ Giang	250
		Đường đất (kênh Núi Chóc - Năng Gù)	Kênh Trường Tiền - Nhà ông Bông	150
			Nhà ông Lước - Kênh Vọng Đông 2	150
14	An Bình	Tỉnh lộ 947	Cầu ranh Vọng Thê - Trường Tiểu Học B An Bình (điểm chính)	400
			Trường Tiểu Học B An Bình (điểm chính) - Cầu Hai Trăn	500
		Bờ tây Kênh Mướp Vắn	Cầu ranh Vọng Thê - Cầu ranh Tây Phú	350
15	Óc Eo	Kênh Kiên Hảo	Ranh Vọng Đông - Ranh Kiên Giang	200

c) Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp II:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

Stt	Tên xã, thị trấn	Tên đường	Giới hạn từ.... đến...	Giá đất vị trí 1
1	Phú Thuận	Nhựa 3,5m liên xã (rạch Bờ Ao)	Ranh Phú Hòa - Kênh Xáng Mới	250
		Bê tông 3m liên xã (rạch Bờ Ao)	Ranh Phú Hòa - Ranh Mỹ Thạnh, Long Xuyên	120
		Đường đất (rạch Bờ Ao)	Kênh Xáng Mới - Ranh Mỹ Thạnh (LX)	120
		Nhựa 3,5m liên xã (kênh Xáng Mới)	Rạch Bờ Ao - Kênh Đòn Dong	200
		Đường đất (kênh Xáng Mới)	Rạch Bờ Ao - Kênh Đòn Dong	100
		Bê tông 2m liên xã (kênh Xã Đội)	Ranh Phú Hòa - Kênh Đòn Dong	100
		Đường đất (kênh Thầy Giáo)	Ngã 3 Thầy Giáo - Kênh Đòn Dong	100
		Nhựa 3,5m liên xã (kênh Phú Tây)	Kênh Đòn Dong - Kênh Cái Sắn	100
		Đường đất (kênh Phú Tây)	Kênh Đòn Dong - Kênh Cái Sắn	100
		Đường đất (kênh Ông Đốc)	Ranh Vĩnh Chánh - kênh Đòn Dong	100
2	Phú Hòa	Bê tông 2m (kênh Xã Đội)	Kênh Mặc Cần Dện - Ranh Phú Thuận	200
		Nhựa 3,5m liên xã rạch Bờ Ao)	Kênh Mặc Cần Dện - Ranh Phú Thuận	300
		Bê tông 2m liên xã (rạch Bờ Ao)	Kênh Mặc Cần Dện - Ranh Phú Thuận	300
		Kênh Mặc Cần Dện Lớn	Nhà ông mạnh - Rạch Mương Trâu - Ranh Vĩnh Trạch	300
		Nhựa (rạch Mương Trâu)	Trần Phú - kênh Mặc Cần Dện lớn	300
3	Vĩnh Chánh	Nhựa 3,5m liên xã (kênh mặc cần dện lớn)	Ranh Phú Hòa- Cầu ngang nhà ông Phí	400
			Cầu ngang nhà ông Phí- Kênh Thanh niên	180
			Ban ấp Mới Tây Bình B- Ranh Vĩnh Khánh (không tính khu vực chợ Tây Bình B)	180
		Bê tông 2m liên xã (kênh mặc cần dện nhỏ)	Cầu Đình- Hết đường bê tông	120
		Đường đất (kênh mặc cần dện nhỏ)	Cầu Đình- Hết đường bê tông	100
		Bê tông 2m (kênh Thanh niên)	Cầu sắt kênh hậu 1- kênh Đòn Dong	100

Stt	Tên xã, thị trấn	Tên đường	Giới hạn từ.... đến...	Giá đất vị trí 1
		Đường đất (kênh Thanh Niên)	Cầu sắt kênh hậu 1- kênh Đòn Dong	100
		Đường đất(kênh Xã Đội)	Ranh Phú Hòa- kênh Đoàn Dong	100
		Đường đất (kênh Nông Dân)	Cầu 2A- kênh Đòn Dong	100
		Đường đất kênh T5	Cầu kênh T5 - ranh Cần Thơ	100
		Đường đất (kênh T7)	Cầu kênh T7- ranh Cần Thơ	100
4	Vĩnh Khánh	Bê tông 3m liên xã (kênh Bốn Tổng)	Đường tỉnh 943 - Bưu Điện	300
		Đường đất liên xã (kênh Bốn Tổng)	Ranh Vĩnh Trạch - Ngang UBND xã (nhà ông Đức)	200
		Bê tông 3m liên xã (kênh Bốn Tổng)	KDC vượt lũ - Kênh ranh Cần Thơ	250
		Đường đất liên xã (kênh Bốn Tổng)	Kênh.đòn Dong - Ranh Cần Thơ	150
		Bê tông 3m liên xã (k. Mặc Cần Dện lớn)	Ranh Vĩnh Chánh - Cầu Xẻo Lách	200
		Bê tông 2m (kênh H)	Kênh Đòn Dong - Kênh ranh Cần Thơ	100
		Đường nhựa 2m (kênh H)	Kênh Đòn Dong - Ranh Định Thành	100
5	Vĩnh Trạch	Bê tông 3m liên xã (lộ Thanh Niên)	Tỉnh lộ 943 - Kênh Mặc Cần Dện	150
		Bê tông 3m liên xã (kênh Bốn Tổng)	Ranh Vĩnh Khánh - Mương Xẻo Chiết	250
		Đường đất (kênh Bốn Tổng)	Ranh Vĩnh Khánh - Cầu Bốn Tổng nhỏ	150
			Nhà ông Sum - Nhà Bà Diệu	150
		Đường đất (rạch Cái Vồn, Bà Cả)	Kênh Rạch Giá - kênh Bốn Tổng	100
		Đường nhựa 2m (rạch Cái Vồn, Bà Cả)		150
		Nhựa 2m (kênh Mặc Cần Dện)	Cầu Xẻo Lách - Ranh Phú Hòa	200
		Nhựa 3m liên xã (lộ ông Cường)	Tỉnh lộ - Kênh Rạch Giá - Long Xuyên	300
6	Vĩnh Phú	Nhựa 3,5m liên xã (kênh Ba Dầu)	Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Khu dân cư Ba Dong	350
		Đường đất (kênh Ba Dầu)	Đoạn từ nhà ông Dừng - Cầu Ba Dong	300
		Bê tông 2m (kênh Xẻo Sâu, Vĩnh Tây, Ranh)	Kênh Xẻo Sâu (ranh Định Mỹ - kênh Ba Dầu)	150

Stt	Tên xã, thị trấn	Tên đường	Giới hạn từ.... đến...	Giá đất vị trí 1
		Làng)	Kênh Vĩnh Tây (KDC Ba Dong - kênh Núi Chóc Năng Gù)	150
			Kênh Ranh Làng (kênh Ba Dầu - Kênh Núi Chóc Năng Gù)	150
		Đường đất (kênh Xẻo Sâu, Vĩnh Tây, ranh Làng, Trường Tiền, kênh T15)	Kênh Xẻo Sâu (ranh Định Mỹ - Kênh Ba Dầu)	100
			Kênh Vĩnh Tây(kênh Ba Dầu - Ranh xã Tây Phú)	100
			Kênh ranh Làng (kênh Núi Chóc Năng Gù - Ranh Tây Phú)	200
			Cầu Ba Dong - Cầu T15	100
			Kênh Trường Tiền (kênh Xẻo Sâu - Ranh xã Tây Phú)	150
7	Định Thành	Kênh H lộ nhựa 2m	Từ tỉnh lộ 943 - kênh Rạch Giá - Long Xuyên (1880 m)	250
		Kênh H (đường bê tông 2m liên xã)	Từ cầu sông quanh ngoài (tiếp giáp kênh Rạch Giá - Long Xuyên) đến giáp ranh Vĩnh Khánh, Cần Thơ (không tính đoạn chợ kênh H)	200
		Kênh G	Từ cầu kênh G (tiếp giáp kênh Rạch Giá - Long Xuyên) - kênh ranh Cần Thơ	150
		Kênh F	Từ cầu kênh F - ranh Cần Thơ, Thị trấn Núi Sập	150
		Kênh Trục	Tỉnh lộ 943 - giáp Vĩnh Khánh	150
		Lộ tẻ Định Thành	Đường tỉnh 943 – K.Rạch giá – Long Xuyên	200
8		Đường đất (kênh Mỹ Giang)	Kênh ấp chiến lược - Ranh Mỹ Phú Đông	100

Stt	Tên xã, thị trấn Định Mỹ	Tên đường	Giới hạn từ.... đến...	Giá đất vị trí 1
		Đường đất (kênh Phèn Đứng)	Kênh ấp chiến lược - Ranh Mỹ Phú Đông	100
		Nhựa 2m (kênh Định Mỹ 2)	Kênh ấp chiến lược - Ranh Mỹ Phú Đông	120
		Bê tông 2m (kênh Định Mỹ 1)	Kênh ấp chiến lược - Ranh Mỹ Phú Đông	120
		Đường đất (kênh Trường Tiền cũ)	Ngã 3 Trường Tiền cũ - Ranh xã Vĩnh Phú	100
		Đường đất (kênh Đồng Chòi)	Kênh ấp chiến lược - Ranh xã Vĩnh Phú	100
		Bê tông 2m (kênh Thốt Nốt)	Kênh ấp Chiến lược - Ranh xã Vĩnh Phú	120
		Đường đất kênh Ba Thước	Kênh ấp Chiến lược - Kênh Định Mỹ 1	100
9	Bình Thành	Đường đất bờ Nam (kênh Thoại Giang II)	Từ kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Ranh với Vọng Đông	120
		Đường Bê tông 2m bờ Nam (kênh Ba Thê cũ)	Kênh Rạch Giá Long Xuyên - Kênh Kiên Hào	150
		Đường đất Bờ Bắc (kênh Ba Thê cũ)	Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Kênh Kiên Hào	120
		Đường Bê tông 2m bờ Nam (kênh Thoại Giang III)	Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Kênh Kiên Hào	150
		Đường đất bờ Bắc (kênh Thoại Giang III)	Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Kênh Kiên Hào	120
		Đường đất bờ Bắc (kênh Xã Diểu)	Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Kênh Kiên Hào	120
		Đường đất bờ Nam (kênh D)	Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Ranh Cần Thơ	120
		Đường bê tông 3m hai bờ (kênh C)	Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Ranh Cần Thơ	150
		Đường bê tông 3m hai bờ (kênh B)	Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Ranh Cần Thơ	150

Stt	Tên xã, thị trấn	Tên đường	Giới hạn từ.... đến...	Giá đất vị trí 1
10	Tây Phú	Ranh Làng	Kênh Mướp Văn - Vĩnh Phú	100
		Vĩnh Tây	Kênh Mướp Văn - Vĩnh Phú	100
		Trường Tiền	Kênh Mướp Văn - Vĩnh Phú	100
		Hai Trân	Kênh Mướp Văn - Mỹ Phú Đông	100
11	Mỹ Phú Đông	Bê tông 2m liên xã (kênh Mỹ Phú Đông)	Ranh Định Mỹ - Ranh An Bình (không tính đoạn khu dân cư vượt lũ)	100
		Đường đất liên xã (kênh Mỹ Phú Đông)	Ranh Định Mỹ - Ranh Tây Phú	100
11	Mỹ Phú Đông	Đường đất (kênh Núp Lê)	Cầu Ngã Năm - Kênh Mỹ Giang	100
		Đường đất (kênh Mỹ Giang)	Cầu Mỹ Giang - Kênh ranh Định Mỹ	100
		Đường đất (kênh Vọng Đông 2)	Nhà ông 5 Hồng - Kênh ranh An Bình	100
		Đường đất kênh Vọng Đông 1	Kênh Núi Chóc Năng Gù - Ranh An Bình (trừ KDC Tân Đông)	100
		Kênh Vọng Đông 1 (KDC Tân Đông)	Kênh Núi Chóc Năng Gù - Ranh đất Ông Võ Công Khanh	150
		Đường đất kênh Trường Tiền	Ranh Định Mỹ - Ranh Tây Phú	100
		Đường đất kênh Định Mỹ 2	Kênh Núi Chóc Năng Gù - Ranh Định Mỹ	100
12	An Bình	Lộ 15	Cầu ranh Vọng Đông - cầu Treo An Bình 4	200
		Đường Kênh Núi Trọi	Cầu đúc Núi Trọi - cầu sắt Núi Trọi	180
		Vành đai Núi Trọi	Cầu đúc Núi Trọi - cầu sắt Núi Trọi	250
		Bê tông 2m liên xã (kênh Núi Trọi)	Cầu sắt Núi Trọi - cầu Treo 2000	150

Stt	Tên xã, thị trấn	Tên đường	Giới hạn từ.... đến...	Giá đất vị trí 1
		Bê tông 2m liên xã (kênh Mỹ Phú Đông)	Cầu Hai Trăn - ranh Mỹ Phú Đông	150
13	Thoại Giang	Đường nhựa 2m (tiếp giáp kênh Ba Thê Mới)	Nhà máy Kim Hương - Ranh Vọng Đông	250
		Đường nhựa 2m (tiếp giáp kênh Mỹ Giang)	Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Ranh Vọng Đông	200
		Đường đất (tiếp giáp kênh Thoại Giang 1)	Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Ranh Vọng Đông	100
		Đường đất (tiếp giáp kênh Thoại Giang 2)	Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Ranh Vọng Đông	100
14	Vọng Đông	Lộ 15 (bê tông 3m liên xã kênh Ba Thê - Núi Chọi)	Kênh Ba Thê Núi Sập - Ranh xã An Bình	250
		Lộ nhựa 2m, kênh Ba Thê - Núi Sập	Ranh Thoại Giang - Cầu treo đi Mỹ Phú Đông	150
			Cầu treo đi Mỹ Phú Đông -Ranh Óc Eo	100
		Kênh Thoại Giang I	Kiên Hào - Ranh Thoại Giang	100
		Kênh Thoại Giang II	Kiên Hào - Ranh Thoại Giang	100
		Kênh Ba Thê Cũ	Ranh Óc Eo - Ranh Bình Thành	100
		Kênh Vọng Đông 2	Núi Chóc Năng Gù - Ranh An Bình	100
		Kênh Mỹ Giang	Núi Chóc Năng Gù - ranh Thoại Giang	100
15	TT. Óc Eo	Các kênh cấp 2	Kênh Vành đai - Kênh Kiên hảo	110
16	Vọng Thê	Đ.đất kênh Ba Thê mới	Kênh Mướp Vắn - Ranh Óc Eo	100
		Đường đất kênh Huệ Đức	Kênh Mướp Vắn - Ranh Tri Tôn	100
		Đường đất kênh Mương lộ	Cầu Thanh Niên - Kênh Vành Đai	100

d) Đất ở nông thôn tại khu dân cư vượt lũ:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

Stt	Tên khu dân cư		Loại đường	Giới hạn từ ... đến	Giá đất vị trí 1
1	Phú Thuận	Kênh Đào		Các đường trong KDC	250
2	Vĩnh Chánh	KDC vượt lũ Trung Tâm	Các đường trong KDC	Các đường trong KDC	420
		KDC vượt lũ Tây Bình C	Các đường trong KDC	Các đường trong KDC	250
3	Vĩnh Khánh	KDC vượt lũ Bốn Tổng	Các đường trong KDC		450
4	Vĩnh Trạch	KDC vượt lũ Tây Bình	Nhựa 3m liên xã	Cầu Ba Bẩn - Bến đò ông Mọi	800
			Bê tông 3m	Các dãy còn lại trong KDC	600
5	Vĩnh Phú	KDC	Bê tông 1m	Các đường tiếp giáp nhà lồng chợ	700
		Trung Phú 3	Bê tông 1m	Các đường còn lại trong khu vực chợ và KDC	300
6	Định Thành	KDC Hòa Thành	Các đường trong khu dân cư		450
7	Thoại Giang	KDC Bắc Thạnh	Các đường trong KDC		600
8	Vọng Đông	KDC Sơn Lập	Đường tỉnh 943	Từ VP. ấp Sơn Lập - Nhà bà Kim Em	600
			Các đường trong KDC		180
9	Tây Phú	KDC Phú Hòa	Bê tông 3m liên xã	Ranh Khu dân cư - Ranh huyện Châu Thành	500
			Các đường còn lại trong KDC		350
10	Mỹ Phú Đông	Tân Phú	Các đường trong KDC		500
11	An Bình	KDC Phú Hiệp	Các đường trong KDC		470
12	Núi Sập	CDC Bắc Sơn	Các đường trong KDC (Mở rộng giai đoạn 2)		600
13	Phú Hòa	CDC ấp Phú Hữu	Các đường trong KDC (Mở rộng giai đoạn 2)		1.200
14	Định Mỹ	CDC Trường Tiền	Các đường trong KDC (Mở rộng giai đoạn 2)		480

Stt	Tên khu dân cư		Loại đường	Giới hạn từ ... đến	Giá đất vị trí 1
15	Vọng Thê	CDC Tân Vọng	Các đường trong KDC (Mở rộng giai đoạn 2)		510

e) Đất ở nông thôn tại khu dân cư vốn huyện:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

Stt	Tên khu dân cư		Loại đường	Giới hạn từ đến...	Giá đất vị trí 1
1	Vĩnh Phú	Trung Phú 4	Bê tông 2m (kênh Núi Chóc Năng Gù - kênh ranh Làng)	Nhà ông Năm Núi – nhà ông Bé	1.000
			Đường đất	Các đường còn lại trong khu dân cư	500
		Trung tâm	Bê tông 3m liên xã (kênh Ba Dầu)	Công an xã - ranh nhà ông Cẩn	1.500
			Đường đất	Các đường còn lại trong khu dân cư	250
2	Vĩnh Chánh	Đông An	Các đường trong khu dân cư	Bê tông 3m liên xã – Hết khu dân cư	340
3	Phú Hòa	CDC Phú Hữu	Đường số 1		1.500
			Các đường còn lại		1.300
4	Định Mỹ	Khu dân cư trường tiền mở rộng			600

3. Khu vực 3: đất ở nông thôn khu vực còn lại, chỉ xác định một vị trí:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

Stt	Tên xã, thị trấn	Giá đất
1	Phú Thuận	80
2	Phú Hòa	100
3	Vĩnh Chánh	80
4	Vĩnh Khánh	80
5	Vĩnh Trạch	80
6	Vĩnh Phú	80

Stt	Tên xã, thị trấn	Giá đất
7	Định Thành	80
8	Định Mỹ	80
9	Thoại Giang	80
10	Bình Thành	80
11	Vọng Đông	80
12	TT. Ốc Eo	100
13	Vọng Thê	80
14	Tây Phú	80
15	Mỹ Phú Đông	80
16	An Bình	80

III. ĐẤT NÔNG NGHIỆP:

1. Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản:

a) Trong giới hạn đô thị:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

Stt	Tên thị trấn	Giới hạn từ.....đến...	Giá đất
1	TT. Phú Hòa	Trong giới hạn đô thị	80
2	TT. Núi Sập	Trong giới hạn đô thị	60
3	TT.Ốc Eo	Trong giới hạn đô thị	60

b) Tiếp giáp Quốc lộ 80, Tỉnh lộ 943:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

Stt	Tên xã, thị trấn	Tên đường, tên kênh	Giới hạn từđến....	Giá đất	
				Vị trí 1	Vị trí 2
1	Phú Thuận	Quốc lộ 80	Ranh Vĩnh Chánh - ranh Mỹ Thạnh	40	32
2	Vĩnh Trạch	Tỉnh lộ 943	Ranh Phú Hòa - ranh xã Định Thành	60	48
3	Vĩnh Khánh	Tỉnh lộ 943	Ranh Định Thành - ranh Vĩnh Trạch	40	32
4	Định Thành	Tỉnh lộ 943	Ranh Vĩnh Trạch, Vĩnh Khánh- Ranh Núi Sập	50	40
5	Thoại Giang	Tỉnh lộ 943	Cầu Thoại Giang - ranh Vọng Đông	50	40
6	Vọng Đông	Tỉnh lộ 943	Ranh Thoại Giang - ranh Ốc Eo	50	40

Stt	Tên xã, thị trấn	Tên đường, tên kênh	Giới hạn từđến....	Giá đất	
				Vị trí 1	Vị trí 2
7	Vọng Thê	Tỉnh lộ 943	Cầu Mướp Vắn - Ranh Tân Tuyển	50	40
			Cầu sắt Núi nhỏ- Cầu Mướp Vắn	60	48

c) Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I):

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

Stt	Tên xã, thị trấn	Tên đường, tên kênh	Giới hạn từ....đến....	Giá đất	
				Vị trí 1	Vị trí 2
1	Phú Thuận	Kênh Đồn Dong	Ranh xã Vĩnh Chánh - Ranh xã Mỹ Thạnh	60	48
		Kênh Cái Sắn	Ranh xã Vĩnh Trinh - Ranh xã Thạnh Mỹ (Cần Thơ)	40	32
2	Vĩnh Chánh	Kênh Đồn Dong	Ranh Phú Thuận - ranh Vĩnh Khánh	55	44
3	Vĩnh Khánh	Kênh Đồn Dong	Ranh Vĩnh Chánh - kênh H	50	40
4	Vĩnh Trạch	Nhựa, bê tông 3m (kênh Rạch Giá - Long Xuyên)	Ranh Định Thành - ranh Phú Hòa	40	32
5	Vĩnh Phú	Bê tông 3m liên xã (kênh Rạch Giá - Long Xuyên)	Ranh Định Mỹ - Cầu Ba Bần	40	32
		Tiếp giáp kênh cấp 1 (Núi Chóc - Năng Gù)	Ranh Mỹ Phú Đông - Ranh huyện Châu Thành	40	32
6	Định Thành	Nhựa, bê tông 3m liên xã (kênh Rạch Giá-Long Xuyên)	Kênh Ông Đốc - Kênh F	40	32
7	Định Mỹ	Nhựa 3,5m liên xã (kênh rạch Giá - Long Xuyên)	Ranh Vĩnh Phú - Cầu Mỹ Giang	40	32
8	Thoại Giang	Kênh Rạch Giá - Long Xuyên	Ranh Định Mỹ - ranh Bình Thành	50	40
9	Bình Thành	Đường bê tông 3m (kênh Rạch Giá - Long Xuyên)	Ranh Thoại Giang - Ranh Kiên Giang (kênh Xã Diểu)	40	32
		Đường bê tông 2m (kênh Rạch Giá - Long Xuyên)	Ranh Núi Sập - Ranh với Kiên Giang (Cổng Bà Tà)	40	32
		Đường Nhựa bờ Tây (K.Kiên Hào)	Ranh Vọng Đông - Ranh Kiên Giang	43	34

Stt	Tên xã, thị trấn	Tên đường, tên kênh	Giới hạn từ....đến....	Giá đất	
				Vị trí 1	Vị trí 2
10	Vọng Đông	Kênh Kiên Hào	Kênh Ba Thê Núi Sập - Kênh Ba Thê cũ	40	32
		Kênh Núi Chóc - Năng Gù	Kênh Ba Thê Núi Sập - Ranh Mỹ Phú Đông	40	32
11	Vọng Thê	Kênh Mướp Vắn	Ranh Mỹ Hiệp Sơn - ranh An Bình	40	32
12	Tây Phú	Nhựa 3,5m liên xã (k Mướp Vắn)	Ranh An Bình - Ranh Châu Thành	40	32
		Bê tông 2m liên xã (kênh Mướp Vắn)	Ranh Vọng Thê - Ranh Châu Thành	40	32
13	Mỹ Phú Đông	Kênh Núi Chóc - Năng Gù	Ranh Vĩnh Phú - ranh Vọng Đông	40	32
14	An Bình	kênh Mướp Vắn	Nhựa 3,5m (Ranh Vọng Thê - Ranh Tây Phú)	40	32
			Bê tông 2m liên xã (Ranh Vọng Thê - Ranh Tây Phú)	40	32
15	TT. Óc Eo	Kênh Kiên Hào	Ranh Vọng Đông - Ranh Kiên Giang	45	36
16	TT Núi Sập	Bê tông liên xã (kênh Rạch Giá - Long Xuyên)	Trường B Tây Sơn - Kênh D (kênh Rạch Giá Long Xuyên)	40	32

d) Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp II):

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

Stt	Tên xã, thị trấn	Tên đường, tên kênh	Giới hạn từđến....	Giá đất	
				Vị trí 1	Vị trí 2
1	Phú Thuận	Rạch Bờ Ao	Ranh Phú Hòa - Ranh Mỹ Thạnh (Long Xuyên)	40	32
		Kênh Rạch Bờ Ao (ranh Long Xuyên vô 450m)		60	
		Kênh Xáng Mới	Rạch Bờ Ao - Kênh Đòn Dong	40	32
		Kênh Xã Đội	Ranh Phú Hòa - Kênh Đòn Dong	45	36
		Kênh Thầy Giáo	Ngã 3 Thầy Giáo - Kênh Đòn Dong	35	28
		Kênh Phú Tây	Kênh Đòn Dong - Kênh Cái Sắn	42	34
		Đường đất (kênh Ông Đốc)	Ranh Vĩnh Chánh - Kênh Đòn	40	32

Stt	Tên xã, thị trấn	Tên đường, tên kênh	Giới hạn từđến....	Giá đất	
				Vị trí 1	Vị trí 2
			Dong		
2	Phú Hòa	Kênh Xã Đội	Rạch Bờ Ao - Ranh Phú Thuận	45	36
		Kênh Mặc Cần Dện	Ranh Vĩnh Chánh - Rạch Bờ Ao	40	32
		Rạch Bờ Ao	Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Ranh Phú Thuận	40	32
		Kênh Rạch Bờ Ao (ranh Long Xuyên vô 450m)		60	
2	Phú Hòa	Kênh Mặc Cần Dện Lớn	Nhà ông mạnh - Rạch Mương Trâu – Ranh Vĩnh Trạch	40	32
		Nhựa (rạch Mương Trâu)	Trần Phú - kênh Mặc Cần Dện lớn	40	32
3	Vĩnh Chánh	Kênh Xã Đội	Ranh Phú Hòa- kênh Đòn Dong	45	36
		Kênh T5	Cầu kênh T5- Hết kênh	40	32
		Kênh T7	Từ cầu kênh T7- ranh Vĩnh Thạnh - ranh Cần Thơ	40	32
		Kênh Nông Dân	Cầu 2A- kênh Đòn Dong	40	32
		Kênh mặc cần dện lớn	Ranh Phú Hòa – ranh Vĩnh Khánh	40	32
		Kênh mặc cần dện nhỏ	Cầu Đình- Ngã ba rạch Ông Thiên	40	32
		Kênh Thanh niên	kênh Đòn Dong - kênh hậu 1	40	32
4	Vĩnh Khánh	Kênh Bốn Tổng	Tỉnh lộ 943 - Ranh Cần Thơ	45	36
		Kênh H	Ranh Định Thành - Ranh Cần Thơ	40	32
		Kênh Trục	Ranh Định Thành - Kênh Đòn Dong	40	32
		Kênh Cây Còng	Kênh Đòn Dong - Ranh Cần Thơ	40	32
		Kênh Mặc Cần Dện Lớn	Ranh Vĩnh Chánh – kênh Bốn Tổng	40	32
5	Vĩnh Trạch	Nhựa 2m (kênh Mặc Cần Dện)	Ranh Phú Hòa - Rạch Xẻo Lách	40	32
		Đường đất (kênh Mười Cai)	Kênh Bốn Tổng - Kênh Mặc Cần Dện	40	32

Stt	Tên xã, thị trấn	Tên đường, tên kênh	Giới hạn từđến....	Giá đất	
				Vị trí 1	Vị trí 2
		Nhựa 2m (rạch Cái Vồn, Bà Cả)	Kênh Bốn Tổng -kênh Mười Cai	40	32
5	Vĩnh Trạch	Nhựa 3m (lộ ông Cường)	Nhà ông Điển - Hết ranh đất bà Hạnh	60	48
		Bê tông 3m (lộ Thanh Niên)	Đất bà An - Kênh Mười Cai	40	32
			Kênh Mười Cai - kênh Mặc Cần Dền	40	32
		Đường đất, bê tông 3m (kênh 4 Tổng)	Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Kênh Mặc Cần Dền	45	36
6	Vĩnh Phú	Kênh Ranh Làng	Kênh Núi Chóc Năng Gù - Ranh Tây Phú	40	32
		Kênh Vĩnh Tây	Kênh Ba Dầu - Ranh xã Tây Phú	40	32
		Kênh Ba Dầu	Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Kênh Vĩnh Tây	40	32
		Kênh Trường Tiền	Kênh Xẻo Sâu - Ranh xã Tây Phú	40	32
		Kênh Xẻo Sâu	Ranh Định Mỹ - Kênh Ba Dầu	40	32
7	Định Thành	Kênh F, G, H, kênh trục, kênh Ông Đốc và lộ tẻ Định Thành	Kênh Rạch Giá-Long Xuyên-Tỉnh lộ 943, ranh xã Vĩnh Khánh, ranh tỉnh Cần Thơ	40	32
8	Định Mỹ	Kênh Mỹ Giang	Cầu Mỹ Giang - Ranh Mỹ Phú Đông	40	32
		Kênh Phèn Đứng	Cầu Phèn Đứng - Kênh Định Mỹ 2	40	32
		Kênh Định Mỹ 2	Cầu Định Mỹ 2 - Ranh Mỹ Phú Đông	40	32
		Kênh Định Mỹ 1	Cầu Trường Tiền - Ranh Mỹ Phú Đông	40	32
		Kênh Trường Tiền Cũ	Ngã 3 Trường Tiền - Ranh Vĩnh Phú	40	32
		Kênh Thốt Nốt	Cầu Thốt Nốt - Ranh Vĩnh Phú	40	32
8	Định Mỹ	Kênh Ba Thước	Kênh ấp Chiến Lược - R Vĩnh Phú	40	32
9	TT. Núi Sập	Kênh F, kênh Vòng Núi, kênh E, kênh D, kênh Ranh	Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Ranh Cần Thơ	40	32
10	Thoại Giang	Kênh Ba Thê mới	Kênh Rạch giá - Long Xuyên - Ranh Vọng Đông	55	44
		Tiếp giáp các kênh cấp 2	Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Ranh Vọng Đông	50	40

Stt	Tên xã, thị trấn	Tên đường, tên kênh	Giới hạn từđến....	Giá đất	
				Vị trí 1	Vị trí 2
11	Bình Thành	Đường Bê tông 2m hai bờ (kênh Thoại Giang III)	Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Rênh Kiên Hào	40	32
		Đường đất bờ Nam (kênh Thoại Giang II)	Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Ranh với Vọng Đông	40	32
		Đường đất bờ Bắc (kênh Xả Diều)	Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Kênh Kiên Hào	40	32
		Đường Bê tông 2m hai bờ (kênh Ba Thê cũ)	Cách mương ấp Chiến lược giáp chợ 200m - Kênh Kiên Hào	40	32
		Đường đất bờ Nam (kênh Ba Thê cũ)	Cách mương ấp Chiến lược giáp chợ 200m - Kênh Rạch Giá - Long Xuyên	50	40
		Đường đất bờ Nam (kênh D)	Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Ranh Cần Thơ	40	30
		Đường bê tông 3m hai bờ (kênh C)	Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Ranh Cần Thơ	40	30
		Đường bê tông 3m (kênh B)	Từ kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Giáp ranh với Cần Thơ	40	30
12	Vọng Đông	Lộ 15 (bê tông 3m liên xã kênh Ba Thê - Núi Chọi)	Kênh Ba Thê Núi Sập - Ranh xã An Bình	40	32
		Kênh Ba Thê - Núi Sập	Ranh Thoại Giang - Ranh Vọng Thê	40	32
		Kênh Thoại Giang I	Kiên Hào - Ranh Thoại Giang	40	32
		Kênh Thoại Giang II	Kiên Hào - Ranh Thoại Giang	40	32
		Kênh Ba Thê Cũ	Ranh Ốc Eo - Ranh Bình Thành	40	32
		Kênh Vọng Đông 2	Núi Chóc Năng Gù - Ranh An Bình	40	32
		Kênh Mỹ Giang	Núi Chóc Năng Gù - Ranh Thoại Giang	40	32
13	TT. Ốc Eo	Kênh Lê Sứ	(từ cầu treo Gò Cây Thị)	40	32
		Kênh vành Đai	-	40	32
		Các kênh cấp 2 còn lại	Kênh Vành đai - Kênh Kiên Hào	40	32
14	Vọng Thê	Kênh Huệ Đức	Kênh Mướp Vắn - ranh Tri Tôn	40	32
		Kênh Ba Thê mới	Kênh Mướp Vắn - ranh Ốc Eo	40	32
15	Tây Phú	Tiếp giáp các kênh cấp II trong toàn xã	Ranh huyện Tri Tôn - Ranh	40	32

Stt	Tên xã, thị trấn	Tên đường, tên kênh	Giới hạn từđến....	Giá đất	
				Vị trí 1	Vị trí 2
			Mỹ Phú Đông & ranh Vĩnh Phú		
16	Mỹ Phú Đông	Kênh Trường Tiền	Ranh Định Mỹ - Ranh Tây Phú	40	32
		Kênh Mỹ Phú Đông	Ranh Định Mỹ - Ranh An Bình	40	32
		Kênh Vọng Đông 1	Kênh Núi Chóc Năng Gù - Ranh An Bình	40	32
		Kênh Định Mỹ 2	KNúi Chóc Năng Gù - Ranh Định Mỹ	40	32
16	Mỹ Phú Đông	Kênh Núp Lê	Kênh Núi Chóc Năng Gù - kênh Mỹ Giang	40	32
		Kênh Vọng Đông 2	Kênh Núi Chóc Năng Gù - Ranh An Bình	40	32
		Kênh Mỹ Giang	Kênh Núi Chóc Năng Gù - Ranh Định Mỹ	40	32
17	An Bình	Tiếp giáp các kênh cấp II trong toàn xã	Ranh huyện Tri Tôn - Ranh Mỹ Phú Đông	40	32

e) Khu vực còn lại:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

Stt	Tên xã, thị trấn	Tên đường, tên kênh	Giá đất
1	Phú Thuận	Tiếp giáp kênh cấp III	35
		Khu vực còn lại	30
2	TT. Phú Hòa	Tiếp giáp kênh cấp III	35
		Khu vực còn lại	30
3	Vĩnh Chánh	Tiếp giáp kênh cấp III	35
		Khu vực còn lại	30
4	Vĩnh Khánh	Tiếp giáp kênh cấp III	35
		Khu vực còn lại	30
5	Vĩnh Trạch	Tiếp giáp kênh cấp III	35
		Khu vực còn lại	30
6	Vĩnh Phú	Tiếp giáp kênh cấp III	35
		Khu vực còn lại	30
7	Định Thành	Tiếp giáp kênh cấp III	35
		Khu vực còn lại	30
8	Định Mỹ	Tiếp giáp kênh cấp III	35

Stt	Tên xã, thị trấn	Tên đường, tên kênh	Giá đất
		Khu vực còn lại	30
9	TT. Núi Sập	Tiếp giáp kênh cấp III	35
		Khu vực còn lại	30
10	Thoại Giang	Tiếp giáp kênh cấp III	35
		Khu vực còn lại	30
11	Bình Thành	Tiếp giáp kênh cấp III	35
		Khu vực còn lại	30
12	Vọng Đông	Tiếp giáp kênh cấp III	35
		Khu vực còn lại	30
13	TT. Óc Eo	Tiếp giáp kênh cấp III	35
		Khu vực còn lại	30
14	Vọng Thê	Tiếp giáp kênh cấp III	35
		Khu vực còn lại	30
15	Tây Phú	Tiếp giáp kênh cấp III	35
		Khu vực còn lại	30
16	Mỹ Phú Đông	Tiếp giáp kênh cấp III	35
		Khu vực còn lại	30
17	An Bình	Tiếp giáp kênh cấp III	35
		Khu vực còn lại	30

2. Đất trồng cây lâu năm:

a) Trong giới hạn đô thị:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

Stt	Tên thị trấn	Giới hạn từ.....đến...	Giá đất
1	TT. Phú Hòa	Trong giới hạn đô thị	90
2	TT. Núi Sập	Trong giới hạn đô thị	70
3	TT. Óc Eo	Trong giới hạn đô thị	100

b) Tiếp giáp Quốc lộ 80, Tỉnh lộ 943:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

Stt	Tên xã, thị trấn	Tên đường, tên kênh	Giới hạn từđến....	Giá đất	
				Vị trí 1	Vị trí 2
1	Phú Thuận	Quốc lộ 80	Ranh Vĩnh Chánh - ranh Mỹ	60	48

			Thạnh		
2	Vĩnh Trạch	Tỉnh lộ 943	Ranh Phú Hòa - ranh xã Định Thành	70	56
3	Vĩnh Khánh	Tỉnh lộ 943	Ranh Định Thành - ranh Vĩnh Trạch	50	40
4	Định Thành	Tỉnh lộ 943	Ranh Vĩnh Trạch, Vĩnh Khánh - Ranh Núi Sập	60	48
5	Thoại Giang	Tỉnh lộ 943	Cầu Thoại Giang - ranh Vọng Đông	70	56
6	Vọng Đông	Tỉnh lộ 943	Ranh Thoại Giang - ranh Ốc Eo	60	48
7	Vọng Thê	Tỉnh lộ 943	Ranh Ốc Eo - ranh Tân Tuyển	55	44

c) Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I):

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

Stt	Tên xã	Tên đường, tên kênh	Giới hạn từđến.....	Giá đất	
				Vị trí 1	Vị trí 2
1	Phú Thuận	Kênh Đồn Dong	Ranh Vĩnh Chánh - Ranh Mỹ Thạnh	65	52
		Kênh Đồn Dong (ranh Long Xuyên vô 450m)		70	
		Kênh Cái Sắn	Ranh xã Vĩnh Trinh - Ranh Thạnh Mỹ (Cần Thơ)	50	40
2	Vĩnh Chánh	Nhựa 3,5m liên xã (kênh Đồn Dong)	Ranh Phú Thuận - Ranh Vĩnh Khánh	80	64
		Đường đất liên xã (kênh Đồn Dong)	Ranh Phú Thuận - Ranh Vĩnh Khánh	60	48
3	Vĩnh Khánh	Kênh Đồn Dong	Ranh Vĩnh Chánh - kênh H	70	56
4	Vĩnh Trạch	Nhựa, bê tông 3m (kênh Rạch Giá - Long Xuyên)	Rạch Mương Trâu - cầu ông Đốc	70	56
5	Vĩnh Phú	Nhựa 3,5m liên xã (kênh Rạch Giá - Long Xuyên)	Ranh Định Mỹ - Cầu Ba Bần	60	48
		Kênh Núi Chóc - Nặng Gù	Ranh Mỹ Phú Đông - Ranh huyện Châu Thành	60	48
6	Định Thành	Nhựa, bê tông 3m liên xã (k RG LX)	Kênh Ông Đốc-Kênh F	60	48
7	Định Mỹ	Nhựa 3,5m liên xã (kênh Rạch Giá - Long Xuyên)	Ranh Vĩnh Phú - Ranh Thoại Giang	50	40
8	Thoại Giang	Kênh Rạch Giá - Long Xuyên	Ranh Định Mỹ - Ranh Bình Thành	60	48

Stt	Tên xã	Tên đường, tên kênh	Giới hạn từđến.....	Giá đất	
				Vị trí 1	Vị trí 2
9	Bình Thành	Bê tông 3m (kênh Rạch Giá - Long Xuyên)	Ranh Thoại Giang - Ranh Kiên Giang (kênh Xã Diểu)	55	44
9	Bình Thành	Bê tông 3m (kênh Rạch Giá - Long Xuyên)	Ranh Núi Sập - Ranh Kiên Giang (cổng Bà Tà)	55	44
		Đường đất bờ Tây (kênh Kiên Hào)	Ranh Vọng Đông - Ranh Kiên Giang (kênh Xã Diểu)	55	44
10	Vọng Đông	Kênh Kiên Hào	Kênh Ba Thê Núi Sập - Kênh Ba Thê cũ	50	40
		Kênh Núi Chóc - Nặng Gù	Kênh Ba Thê Núi Sập - Ranh Mỹ Phú Đông	50	40
11	Vọng Thê	Kênh Mướp Vắn	Ranh Mỹ Hiệp Sơn - ranh An Bình	45	36
12	Tây Phú	Nhựa 3,5m liên xã (kênh Mướp Vắn)	Ranh Vọng Thê - ranh Châu Thành	45	36
13	Mỹ Phú Đông	Kênh Núi Chóc - Nặng Gù	Ranh Vĩnh Phú - ranh Vọng Đông	45	36
14	An Bình	Kênh Mướp Vắn	Ranh Vọng Thê - Ranh Tây Phú	45	36
15	Óc Eo	Kênh Kiên Hào	Ranh Vọng Đông - Ranh Kiên Giang	50	40
16	TT. Núi Sập	Bê tông liên xã (Rạch Giá - LX)	Trường B Tây Sơn - Kênh D (kênh Rạch Giá Long Xuyên)	60	48

d) Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp II):

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

Stt	Tên xã	Tên đường, tên kênh	Giới hạn từđến.....	Giá đất	
				Vị trí 1	Vị trí 2
1	Phú Thuận	Rạch Bờ Ao	Ranh Phú Hòa - Ranh P. Mỹ Thạnh	40	32
		Rạch Bờ Ao (ranh Long Xuyên vô 450m)		70	
		Kênh Xáng Mới	Rạch Bờ Ao - Kênh Đòn Dong	40	32
1	Phú Thuận	Kênh Xã Đội	Ranh Phú Hòa - Kênh Đòn Dong	50	40
		Kênh Thầy Giáo	Ngã ba Thầy Giáo - Kênh Đòn Dong	40	32

Stt	Tên xã	Tên đường, tên kênh	Giới hạn từđến.....	Giá đất	
				Vị trí 1	Vị trí 2
		Kênh Phú Tây	Kênh Đồn Dong - Kênh Cái Sắn	45	36
		Đường đất (kênh Ông Đốc)	Ranh Vĩnh Chánh - Kênh Đồn Dong	45	36
2	TT. Phú Hòa	Kênh Xã Đội	Rạch Bờ Ao - Ranh Phú Thuận	50	40
		Kênh Mặc Cần Dện	Ranh Vĩnh Chánh - Rạch Bờ Ao	45	36
		Rạch Bờ Ao	Kênh Rạch Giá Long Xuyên - R Phú Thuận	45	36
		Rạch Bờ Ao (ranh Long Xuyên vô 450m)		70	
		Kênh Mặc Cần Dện Lớn	Nhà ông mạnh - Rạch Mương Trâu - Ranh Vĩnh Trạch	45	36
		Đường nhựa (R Mương Trâu)	Trần Phú - Kênh Mặc Cần Dện lớn	45	36
3	Vĩnh Chánh	Bê tông 2m liên xã (kênh mặc cần dện nhỏ)	Cầu Đình- Hết đường bê tông	45	36
		Đường đất liên xã (kênh mặc cần dện nhỏ)	Cầu Đình- Hết đường bê tông	45	36
		Bê tông 2m (kênh Thanh niên)	Cầu sắt kênh hậu 1- kênh Đồn Dong	45	36
		Đường đất(kênh Thanh Niên)	Cầu sắt kênh hậu 1- kênh Đồn Dong	45	36
		Đường đất(kênh Xã Đội)	Ranh Phú Hòa- kênh Đoàn Dong	40	32
		Đường đất (kênh Nông Dân)	Cầu 2A- kênh Đồn Dong	40	32
3	Vĩnh Chánh	Đường đất Kênh T5	Cầu kênh T5	40	32
		Đường đất (kênh T7)	Cầu kênh T7- ranh Cần Thơ	40	32
		Kênh Mặc cần dện lớn	Ranh Phú Hòa- ranh Vĩnh Khánh	45	32
4	Vĩnh Khánh	Kênh 4 Tổng	Đường tỉnh 943- Ranh Cần Thơ	50	40
		Kênh H	Ranh Định Thành - Ranh Cần Thơ	45	36
		Kênh Trục	Ranh Định Thành - Kênh Đồn Dong	40	32
		Kênh Cây Còng	Kênh Đồn Dong - Kênh Cần Thơ	40	32
		Kênh Mặc Cần Dện Lớn	Ranh Vĩnh Chánh - kênh Bốn Tổng	40	32
5		Nhựa, 2m (kênh Mặc Cần Dện)	Kênh Mười Cai - Cầu Xẻo Lách	50	40

Stt	Tên xã	Tên đường, tên kênh	Giới hạn từđến.....	Giá đất	
				Vị trí 1	Vị trí 2
	Vĩnh Trạch	Đường đất (kênh Mười Cai)	Kênh Bốn Tổng - Kênh Mặc Cần Dền	45	36
		Đường nhựa, bê tông 2m (rạch Cái Vồn, Bà Cả)	Kênh Bốn Tổng - Kênh Mười Cai	45	36
		Nhựa 3m (lộ ông Cường)	Nhà ông Diễn - Hết ranh đất bà Hạnh	60	48
		Bê tông 3m (lộ Thanh Niên)	Đất bà An - Kênh Mười Cai	50	40
		Bê tông 3m (lộ Thanh Niên)	Kênh Mười Cai - kênh Mặc Cần Dền	40	32
		Đường đất, bê tông 3m (kênh Bốn Tổng)	Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - kênh Mặc Cần Dền	55	44
6	Vĩnh Phú	Kênh Ranh Làng	Kênh Núi Chóc Năng Gù - Ranh Tây Phú	50	40
		Kênh Vĩnh Tây	Kênh Ba Dầu - Ranh Tây Phú	45	36
6	Vĩnh Phú	Kênh Ba Dầu	Kênh Rạch Giá Long Xuyên - Kênh Vĩnh Tây	45	36
		Kênh Trường Tiền	Kênh Xẻo Sâu - Ranh Tây Phú	45	36
		Kênh Xẻo Sâu	Ranh Định Mỹ - Kênh Ba Dầu	45	36
7	Định Thành	Kênh F, G, H, kênh trục, kênh Ông Đốc và lộ tẻ Định Thành	Kênh Rạch Giá -Long Xuyên - Tỉnh lộ 943, ranh xã Vĩnh Khánh, ranh tỉnh Cần Thơ	45	36
8	Định Mỹ	Đường đất (kênh Mỹ Giang)	Kênh ấp Chiến lược - Ranh Mỹ Phú Đông	45	36
		Đường đất (kênh Phèn Đứng)	Kênh ấp Chiến lược - Ranh Mỹ Phú Đông	45	36
		Bê tông 2m (kênh Định Mỹ 2)	Kênh ấp Chiến lược - Ranh Mỹ Phú Đông	45	36
		Bê tông 2m (kênh Định Mỹ 1)	Kênh ấp Chiến lược - Ranh Mỹ Phú Đông	45	36
		Đường đất (kênh Trường Tiền cũ)	Ngã 3 Trường Tiền cũ - Ranh xã Vĩnh Phú	45	36
		Đường đất (kênh Đồng Chòi)	Kênh ấp Chiến lược - Ranh Vĩnh Phú	45	36
		Bê tông 2m (kênh Thốt Nốt)	Kênh ấp Chiến lược - Ranh Vĩnh Phú	45	36

Stt	Tên xã	Tên đường, tên kênh	Giới hạn từđến.....	Giá đất	
				Vị trí 1	Vị trí 2
		Đường đất (Kênh Ba Thước)	Kênh ấp Chiến Lược - Kênh Định Mỹ 1	45	36
9	TT. Núi Sập	Kênh F, kênh Vòng Núi, kênh E, kênh D, kênh Ranh	Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Ranh Cần Thơ	50	40
10	Thoại Giang	Tiếp giáp các kênh cấp 2	Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - ranh Vọng Đông	60	48
11	Bình Thành	Đường bê tông 2m hai bờ (kênh Ba Thê cũ)	Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Kênh Kiên Hào	55	44
		Đường bê tông 2m hai bờ (kênh Thoại Giang III)	Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Kênh Kiên Hào	55	44
		Đường đất bờ Bắc (kênh Xã Diểu)	Từ kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Kênh Kiên Hào	55	44
		Đường đất bờ Nam (kênh Thoại Giang II)	Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Giáp ranh với Vọng Đông	55	44
		Đường đất bờ Nam (kênh D)	Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - giáp ranh Cần Thơ	55	44
		Đường bê tông 3m hai bờ (kênh C)	Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - giáp ranh Cần Thơ	55	44
		Đường bê tông 3m hai bờ (kênh B)	Từ kênh Rạch Giá - Long Xuyên - giáp ranh Cần Thơ	55	44
12	Vọng Đông	Lộ 15 (bê tông 3m liên xã K Ba Thê - Núi Chọi)	Kênh Ba Thê Núi Sập - Ranh xã An Bình	45	36
		Kênh Ba Thê - Núi Sập	Ranh Thoại Giang - Ranh Vọng Thê	45	36
		Kênh Thoại Giang I	Kiên Hào - Ranh Thoại Giang	45	36
		Kênh Thoại Giang II	Kiên Hào - Ranh Thoại Giang	45	36
		Kênh Ba Thê Cũ	Ranh Ốc Eo - Ranh Bình Thành	45	36
12	Vọng Đông	Kênh Vọng Đông 2	Núi Chóc Năng Gù - Ranh An Bình	45	36
		Kênh Mỹ Giang	Núi Chóc Năng Gù - Ranh Thoại Giang	45	36
13	TT. Ốc Eo	Kênh Lê Sứ	(từ cầu treo Gò Cây Thị)	45	36

Stt	Tên xã	Tên đường, tên kênh	Giới hạn từđến.....	Giá đất	
				Vị trí 1	Vị trí 2
		Kênh vành Đai	-	45	36
		Các kênh cấp 2 còn lại	Kênh Vành đai - Kênh Kiên Hào	45	36
14	Vọng Thê	Kênh Huệ Đức	Kênh Mướp Văn - ranh Tri Tôn	45	36
		Kênh Ba Thê mới	Kênh Mướp Văn - ranh Ốc Eo	45	36
15	Tây Phú	Các kênh cấp II trong toàn xã	Ranh Tri Tôn - Ranh Mỹ Phú Đông & ranh Vĩnh Phú	45	36
16	An Bình	Các kênh cấp II trong toàn xã	Ranh huyện Tri Tôn - Ranh Mỹ Phú Đông	45	36
16	Mỹ Phú Đông	Kênh Trường Tiền	Ranh Định Mỹ - Ranh Tây Phú	40	32
		Kênh Mỹ Phú Đông	Ranh Định Mỹ - Kênh Núi Chóc năng Gù	40	32
		Kênh Vọng Đông 1	Kênh Núi Chóc Năng Gù - Ranh An Bình	40	32
		Kênh Định Mỹ 2	Kênh Núi Chóc Năng Gù - Ranh Định Mỹ	40	32
		Kênh Núp Lê	Kênh Núi Chóc Năng Gù - Kênh Mỹ Giang	40	32
		Kênh Vọng Đông 2	Kênh Núi Chóc Năng Gù - Ranh An Bình	40	32
		Kênh Mỹ Giang	Kênh Núi Chóc Năng Gù - Ranh Định Mỹ	40	32
		Kênh Trường Tiền	Ranh Định Mỹ - Ranh Tây Phú	40	32

e) Khu vực còn lại:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

Stt	Tên xã, thị trấn	Tên đường, tên kênh	Giá đất
1	Phú Thuận	Tiếp giáp kênh cấp III	40
		Khu vực còn lại	35
2	TT. Phú Hòa	Tiếp giáp kênh cấp III	40
		Khu vực còn lại	35
3	Vĩnh Chánh	Tiếp giáp kênh cấp III	40
		Khu vực còn lại	35
4	Vĩnh Khánh	Tiếp giáp kênh cấp III	40
		Khu vực còn lại	35
5	Vĩnh Trạch	Tiếp giáp kênh cấp III	40
		Khu vực còn lại	35

Stt	Tên xã, thị trấn	Tên đường, tên kênh	Giá đất
6	Vĩnh Phú	Tiếp giáp kênh cấp III	40
		Khu vực còn lại	35
7	Định Thành	Tiếp giáp kênh cấp III	40
		Khu vực còn lại	35
8	Định Mỹ	Tiếp giáp kênh cấp III	40
		Khu vực còn lại	35
9	TT. Núi Sập	Kênh cấp III	40
		Khu vực còn lại	35
10	Thoại Giang	Tiếp giáp kênh cấp III	40
		Khu vực còn lại	35
11	Bình Thành	Tiếp giáp kênh cấp III	40
		Khu vực còn lại	35
12	Vọng Đông	Tiếp giáp kênh cấp III	40
		Khu vực còn lại	35
13	TT. Óc Eo	Kênh cấp III	40
		Khu vực còn lại	35
14	Vọng Thê	Tiếp giáp kênh cấp III	40
		Khu vực còn lại	35
15	Tây Phú	Tiếp giáp kênh cấp III	40
		Khu vực còn lại	35
16	Mỹ Phú Đông	Tiếp giáp kênh cấp III	35
		Khu vực còn lại	30
17	An Bình	Tiếp giáp kênh cấp III	40
		Khu vực còn lại	35